TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 449/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 07 - 9 - 2020.
"V/v tranh chấp Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Sơn Hùng

2. Bà Trần Thị Kim Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 336/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 171/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên toà số 151/2020/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đoàn Thị Anh Đ, sinh năm 1997, nơi cư trú: số 12/7, ấp Phú, xã TP, huyện TP, tỉnh Bến Tre. có đơn xin xét xử vắng mặt

- *Bị đơn:* Anh Tạ Thanh N, sinh năm 1995, nơi cư trú: ấp VT, thị trấn CD, huyện CP, tỉnh An Giang. vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 6 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đoàn Thị Anh Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh N kết hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Cái Dầu. Chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và cách nhìn nhận cuộc sống không phù hợp dẫn đến vợ chồng không tin tưởng, không quan tâm, chia sẻ nhau. Anh chị ly thân

từ tháng 5/2020 cho đến nay vẫn không hàn gắn được, chị yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: Đồng ý giao 02 con chung tên Tạ Thành Nh, sinh ngày 31/7/2015 và Tạ Gia B, sinh ngày 10/4/2017 cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Tạ Thanh N đã được Tòa án tống đạt các thủ tục tố tụng đúng theo quy định pháp luật nhưng anh không gửi văn bản tự khai và không tham gia tố tụng nên không ghi nhận được ý kiến của anh.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án là vi phạm Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ. Giao con chung cho anh N nuôi dưỡng, chị Đ không cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: chị Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh N, địa chỉ cư trú của anh N là tại ấp VT, thị trấn CD, huyện CP, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thủ tục tố tụng: Anh Tạ Thanh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng anh vắng mặt không có lý do và chị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Đ và anh N theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Chị Đ và anh N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 18/9/2017 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Cái Dầu, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang nên được pháp luật Việt Nam công nhận hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Nay cuộc sống hôn nhân phát sinh mâu thuẫn và tình cảm vợ chồng không còn nên chị Đ yêu cầu được ly hôn với anh N.

[2.2] Tòa án đã thực hiện, cấp, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh N để anh thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình cũng như trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn tuy nhiên cho đến nay anh N vẫn vắng mặt không

tham gia phiên họp, hòa giải, xét xử và không gửi văn bản trình bày ý kiến, xem như anh tự từ bỏ quyền lợi của bản thân.

[2.3] Qua xác minh thì địa phương xác định anh N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ ấp VT, thị trấn CD, huyện CP, tỉnh An Giang. Về tình trạng hôn nhân và mâu thuẫn cụ thể giữa vợ chồng anh chị như thế nào thì địa phương không rõ.

[2.4] Anh chị là vợ chồng thì phải có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau cũng như chia sẻ, hỗ trợ nhau trong cuộc sống nhưng trên thực tế anh chị đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay không còn qua lại thăm nom, chăm sóc nhau. Nay chị Đ yêu cầu ly hôn do mâu thuẫn trầm trọng trong cuộc sống hôn nhân và từ chối hòa giải cũng như xin vắng mặt khi xét xử cho thấy sự cương quyết trong việc yêu cầu ly hôn, phía anh N thì vắng mặt trong thời gian giải quyết vụ án, không có thể hiện thiện chí muốn hàn gắn đoàn tụ gia đình, không quan tâm đến yêu cầu ly hôn của chị Đ. Như vậy cho thấy cuộc sống chung của anh chị không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai do đó yêu cầu ly hôn của chị Đ với anh N là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5] Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Tạ Thành Nh, sinh ngày 31/7/2015 và Tạ Gia B, sinh ngày 10/4/2017. Hiện con chung đang sống cùng anh N, khi ly hôn chị Đ đồng ý giao con chung cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng. Thiết nghĩ để ổn định tâm lý cũng như cuộc sống sinh hoạt, học tập của hai cháu do đó Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cho anh N được tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh N và gia đình không được cản trở chị Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền thăm nom con, thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, khi có yêu cầu sẽ được giải quyết thành vụ án khác.

[2.6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đ trình bày không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.7] Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đoàn Thị Anh Đ.

- Về hôn nhân: Cho chị Đoàn Thị Anh Đ được ly hôn với anh Tạ Thanh N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 103 ngày 18 tháng 9 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thị trấn Cái Dầu, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang cấp cho chị Đoàn Thị Anh Đ và anh Tạ Thanh N không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Tạ Thành Nh, sinh ngày 31/7/2015 và Tạ Gia B, sinh ngày 10/4/2017. Giao con chung cho anh N được tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh N và gia đình không được cản trở chị Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền thăm nom con, thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, khi có yêu cầu sẽ được giải quyết thành vụ án khác.

- Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Đoàn Thị Anh Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà chị Đ đã nộp theo biên lai thu số 0003442 ngày 25 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

- Về quyền kháng cáo: Chị Đoàn Thị Anh Đ và anh Tạ Thanh N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú;
- Ủy ban nhân dân xã;
- Lưu; hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Cẩm Hường